

Bản án số: 30/2026/HS-PT

Ngày: 29-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miên

Ông Phan Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Quách Lý Hoàng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2026/TLPT-HS ngày 08/9/2026 đối với bị cáo Bùi Văn Đ và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo Đ và bị cáo Lư Thành H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2026/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Bùi Văn Đ (tên gọi khác là Đệ N), sinh ngày 26/3/2003 tại Cà Mau; số CCCD: 09623006672; nơi cư trú: Ấp D, xã K, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn B và bà Châu Thị Hồng Á; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/10/2025 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” xảy ra ngày 08/3/2025 tại ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau; Toà án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau xử phạt bị cáo 04 tháng tù vào ngày 26/8/2026. Bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Lư Thành H, sinh ngày 30/7/2007 tại Cà Mau (tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 10 tháng 06 ngày); số CCCD: 096207006150, cấp ngày 08/3/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Bộ C1; nơi cư trú: Ấp F, xã U, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lư Văn H1 và bà Lữ Thị C; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: (1) Tại Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 01/12/2025, Chủ tịch UBND xã U áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/12/2025, (2) Tại Quyết định số 92/QĐ-XPHC ngày 04/12/2025, Trưởng Công an xã U xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo tại ngoại có mặt.

- Bị hại trong vụ “Cố ý gây thương tích” (không được Toà án triệu tập): Anh Lê Lâm T, sinh ngày 22/4/2008.

- Các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị (không được Toà án triệu tập): Phạm Nhựt T1, Trần Minh K, Bùi Quốc A, Mã Trung N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 06/5/2025, Nguyễn Duy K1, Lư Thành H, Bùi Quốc A, Trần Minh K tập trung nhậu tại quán “Cô T2” do bà Võ Thanh T2 làm chủ, thuộc ấp C, xã K, tỉnh Cà Mau. Cả nhóm nhậu khoảng 30 phút thì Lý Khánh T3, Thái Lê Song H2 đi đến cùng nhậu. Trong lúc nhậu K1 nói “Buồn quá, kiếm gì vui vui đi”, nghe vậy T3 đề xuất tìm người đánh thì cả nhóm đồng ý. Hal gợi ý đánh Nguyễn Trọng P do xác định “P nhỏ mà láo” thì cả nhóm đồng ý. Kiện điện thoại rủ Phạm Nhựt T1, H điện thoại rủ Bùi Văn Đ đến quán để cùng đi đánh P. Sau đó, H, K1, T3 thay phiên nhắn tin chửi, đe dọa và hẹn P đánh nhau, P đồng ý và hẹn đánh nhau vào lúc 23 giờ 30 phút cùng ngày tại khu vực cổng Giáo Bấy. Lúc này K1 chở H đến nhà hoang gần nhà của K1 lấy 02 dao tự chế bao gồm 01 dao dài 169cm và 01 dao lưỡi kim loại cán quần khăn màu đỏ, T3 chở K về nhà của K lấy 02 dao tự chế bao gồm 01 dao mèo cán gỗ màu nâu, 01 dao dạng rựa và 01 ống sắt dài 01 mét. Đến khoảng hơn 22 giờ 00 phút cùng ngày, cả nhóm xuất phát đi đến nơi đã hẹn. Cả nhóm đi 04 xe mô tô, cụ thể: Xe thứ nhất K1 chở H cầm theo 02 cây dao bao gồm 01 dao lưỡi kim loại cán quần khăn màu đỏ và 01 dao dạng rựa; xe thứ hai Quốc A chở K cầm theo 01 ống sắt dài 01 mét; xe thứ ba Đ chở T1 cầm theo 02 cây dao bao gồm 01 dao dài 169cm và 01 dao mèo cán gỗ màu nâu; xe thứ tư H2 chở T3 cầm theo nhiều vỏ chai nước ngọt.

Trên đường đến nơi hẹn, xe của K1 nhìn thấy một xe mô tô chở ba người chạy ngược chiều, K1 dừng xe, bước xuống tay cầm 01 dao lưỡi kim loại cán quần khăn màu đỏ ném về phía xe chở ba người đang chạy nhưng không trúng người, dao rơi vào bụi cây, K1 đến tìm nhưng không thấy do trời tối nên lên xe chở H cầm 01 dao dạng rựa đuổi theo. Xe của Đ nhìn thấy 01 xe mô tô chạy ngược chiều nên áp sát, T1 ngồi phía sau dùng dao mèo cán gỗ màu nâu chém vào chân của người ngồi trên xe thì xe bỏ chạy nên Đ chở T1 đuổi theo. Cả nhóm đuổi theo đến khu vực Cầu Đ, rồi đến cổng Sào L nhưng không gặp nhóm của P nữa nên cả nhóm quay về quán “Cô T2” thì thấy dao mèo cán gỗ màu nâu có dính máu và được biết người bị T1 gây thương tích là Lê Lâm T. Cả nhóm giao lại hung khí bao gồm 03 cây dao của K1, K mang theo và 03 cây chĩa nhật của Mã Trung N1 bỏ lại cho K1 và K rồi ra về.

Sau khi sự việc xảy ra, Lê Lâm T được đưa đến Bệnh viện Đ1 để điều trị. Ngày 07/5/2025, ông Lê Thanh L1 là cha ruột của T đến Công an xã K (nay là Công an xã Đ) trình báo vụ việc.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 224/KLTTCT-TTPY ngày 12/9/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh C đối với Lê Lâm T, kết luận: Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm

tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định: 01 vết sẹo mặt trước ngoài gò phải, kích thước 10cm x 0,4cm, tỷ lệ 2%, do vật sắc hoặc vật sắc nhọn gây ra; Gãy vỡ (mẻ) xương mâm chày ngoài phải, tỷ lệ 2%, do vật sắc hoặc vật sắc nhọn gây ra; Đứt bán phần gân bánh chè phải đã khâu nối, hiện tại vận động gò phải bình thường, tỷ lệ 8%, do vật sắc hoặc vật sắc nhọn gây ra. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Lâm T tại thời điểm giám định là 12% (mười hai phần trăm). Kết luận khác: Thương tích do vật sắc hoặc vật sắc nhọn tác động lên bề mặt cơ thể làm tổn thương da, gân cơ, xương, sau khi điều trị để lại thương tích như trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2026/HS-ST ngày 22/7/2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau đã quyết định:

(1) Đối với bị cáo Bùi Văn Đ:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đ 02 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt của các tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 06 tháng tù;

(2) Đối với bị cáo Lư Thành H:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 119, khoản 1 Điều 121 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo H 01 năm 04 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 08 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt của các tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm tù.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo còn lại, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/8/2026, các bị cáo Bùi Văn Đ và Lư Thành H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Đ chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 84/2026/HS-ST ngày 22/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau về phần hình phạt.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo H xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Văn Đ và Lư Thành H tiếp tục thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo là hoàn toàn

tự nguyện, phù hợp với lời khai của các bị cáo còn lại và của bị hại trong vụ án; phù hợp với Kết luận giám định thương tích của bị hại, Kết luận giám định vũ khí gây án, các vật chứng được thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Quá trình thu thập chứng cứ đảm bảo tính hợp pháp, khách quan. Qua đó, có đủ cơ sở để kết luận:

[1.1] Ngày 06/5/2025, tại ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau, Phạm Nhựt T1, Trần Minh K, Bùi Văn Đ, Lư Thành H, Bùi Quốc A, Nguyễn Duy K1, Lý Khánh T3, Thái Lê Song H2 sử dụng dao tự chế dài 50cm (dao mèo) gây thương tích cho bị hại Lê Lâm T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%. Mã Trung N1 đã có hành vi chế tạo 03 cây chĩa, tàng trữ và ngày 06/5/2025, vận chuyển đến khu vực ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau để sử dụng vào mục đích đánh nhau nhưng chưa sử dụng.

[1.2] Ngoài ra, trừ bị cáo N1, các bị cáo còn lại tàng trữ, vận chuyển và sử dụng trái phép 01 dao tự chế dài 77cm (dạng dao rựa), 01 dao tự chế bằng kim loại dài 169cm. Kết luận giám định số 206/KL-KTHS ngày 27/9/2026 của Phòng K2 Công an tỉnh C, xác định: (1) Một cây dao tự chế dài 50cm, có cạnh sắc, mũi nhọn là mã tấu thuộc Phụ lục 3 “Danh mục vũ khí thô sơ” Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C1 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; (2) Một cây dao dài 77cm (dạng dao rựa) là dao sắc, nhọn thuộc Phụ lục 5 “Danh mục vũ khí thô sơ” Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C1 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; (3) Một cây dao tự chế dài 169cm, có cạnh sắc, mũi nhọn thuộc Phụ lục 5 “Danh mục vũ khí thô sơ” Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C1 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; (4) Ba đoạn kim loại, trên đầu mỗi đoạn được gắn hai mũi nhọn (dạng cây chĩa) là dao hoán cải thuộc Phụ lục 5 “Danh mục vũ khí thô sơ” Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C1 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

[1.3] Với các hành vi nói trên, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau đã xét xử các bị cáo Phạm Nhựt T1, Trần Minh K, Lư Thành H, Bùi Văn Đ, Bùi Quốc A về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Mã Trung N1 về tội “Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Đối với Nguyễn Duy K1, Lý Khánh T3 đã được cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra và đã được xét xử ở vụ án khác. Đối với Thái Lê Song H2, sinh ngày 12/12/2010 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Trước khi phạm tội, các bị cáo có bàn bạc, nhưng thể hiện sự bộc phát, nhất thời, không có sự phân công vai trò, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo bị cáo K1 và bị cáo T3 là người đề xuất, khởi xướng và cùng các bị cáo còn lại thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước đối với vũ khí quân dụng, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân,

cũng như chính quyền địa phương. Vào thời điểm phạm tội, các bị cáo ở độ tuổi còn trẻ, nhưng lại có xu hướng giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực, manh động và liều lĩnh, thể hiện tính hung hăng, sẵn sàng sử dụng hung khí có tính sát thương cao giải quyết mâu thuẫn. Nguyên nhân phạm tội có một phần do thiếu sự quan tâm giáo dục từ gia đình, các bị cáo bỏ học sớm, theo lối sống tiêu cực, có suy nghĩ lệch lạc, tụ tập giao lưu với các đối tượng không tốt.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn Đ và Lư Thành H:

Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo gồm: Thành khẩn khai báo, ăn ăn hối cải; Đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ở thời điểm phạm tội, bị cáo H chưa đủ 18 tuổi. Các bị cáo Đ và H có nhân thân không tốt, trong đó, bị cáo H bị chính quyền địa phương áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy và bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Vào ngày 28/10/2025, bị cáo Đ bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” xảy ra ngày 08/3/2025 tại ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau và bị Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau xử phạt 04 tháng tù. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đ 02 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; Xử phạt bị cáo H 01 năm 04 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 08 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, là tương xứng.

Các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về 02 tội thuộc tội phạm nghiêm trọng không đủ điều kiện để được hưởng án treo, trong đó, bị cáo Đ không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới, riêng bị cáo H có cung cấp thêm tài liệu thể hiện bị cáo có ông ngoại Lữ Minh D được tặng Huân chương chiến sĩ hạng Ba, Huy hiệu nghĩa vụ quốc tế, chưa được cấp sơ thẩm xem xét, tuy nhiên cũng không làm thay đổi mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo.

Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết “Đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho các bị cáo ở cả 02 tội là không phù hợp, cần được rút kinh nghiệm.

Đối với bị cáo Đ, hồ sơ không có tài liệu thể hiện bản án sơ thẩm mà Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau xử phạt 04 tháng tù đối với bị cáo có hiệu lực pháp luật, nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để tổng hợp hình phạt của các bản án.

[5] Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát được chấp nhận.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn Đ và Lư Thành H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2026/HS-ST ngày 22/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau về phân hình phạt.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Đối với bị cáo Bùi Văn Đ:

(1) Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

(2) Căn cứ vào khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”;

(3) Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của các tội, buộc bị cáo Bùi Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.2. Đối với bị cáo Lư Thành H:

(1) Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 119 và khoản 1 Điều 121 của Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo Lư Thành H 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

(2) Căn cứ vào khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 119 và khoản 1 Điều 121 của Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo Lư Thành H 08 (tám) tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”;

(3) Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của các tội, buộc bị cáo Lư Thành H phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Đ và H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng/bị cáo án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 3-CM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-CM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3-CM;
- Công an xã Khánh Lâm, U Minh, tỉnh CM;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)